

だい か  
第5課

にほんご パソコンに にゅうりょく  
日本語で パソコンに 入力する

Đánh chữ bằng tiếng Nhật trên máy vi tính

もくひょう  
目標 Mục tiêu

- 1 ひらがな・カタカナを パソコンに にゅうりょく ことができる  
Có thể đánh chữ Hiragana – Katakana bằng máy vi tính

かつどう 1 ひらがな・カタカナを パソコンに 入力する にゅうりょく  
Thực hành 1 Đánh chữ Hiragana - Katakana bằng máy vi tính



(1) ①は なん 何ですか。 よく つか 使いますか。 ② にほんご 日本語で メールや チャットを しますか。



(2) あなたは パソコンで どんな ことを しますか。



できますか。  
Làm được không?

ひらがな・カタカナを <sup>よ</sup>読む ことができる  
Có thể đọc chữ Hiragana – Katakana

はい

いいえ

ステップ1

ひらがな・カタカナを <sup>か</sup>書く ことができる  
Có thể viết chữ Hiragana – Katakana

はい

いいえ

ステップ2

パソコンの <sup>にゅうりょく</sup>入力の <sup>かた</sup>やり方が わかる  
Biết cách đánh chữ bằng máy vi tính

はい

いいえ

ステップ3

ひらがな・カタカナを パソコンに <sup>にゅうりょく</sup>入力する ことができる  
Có thể đánh chữ Hiragana – Katakana bằng máy vi tính

はい

いいえ

ステップ4



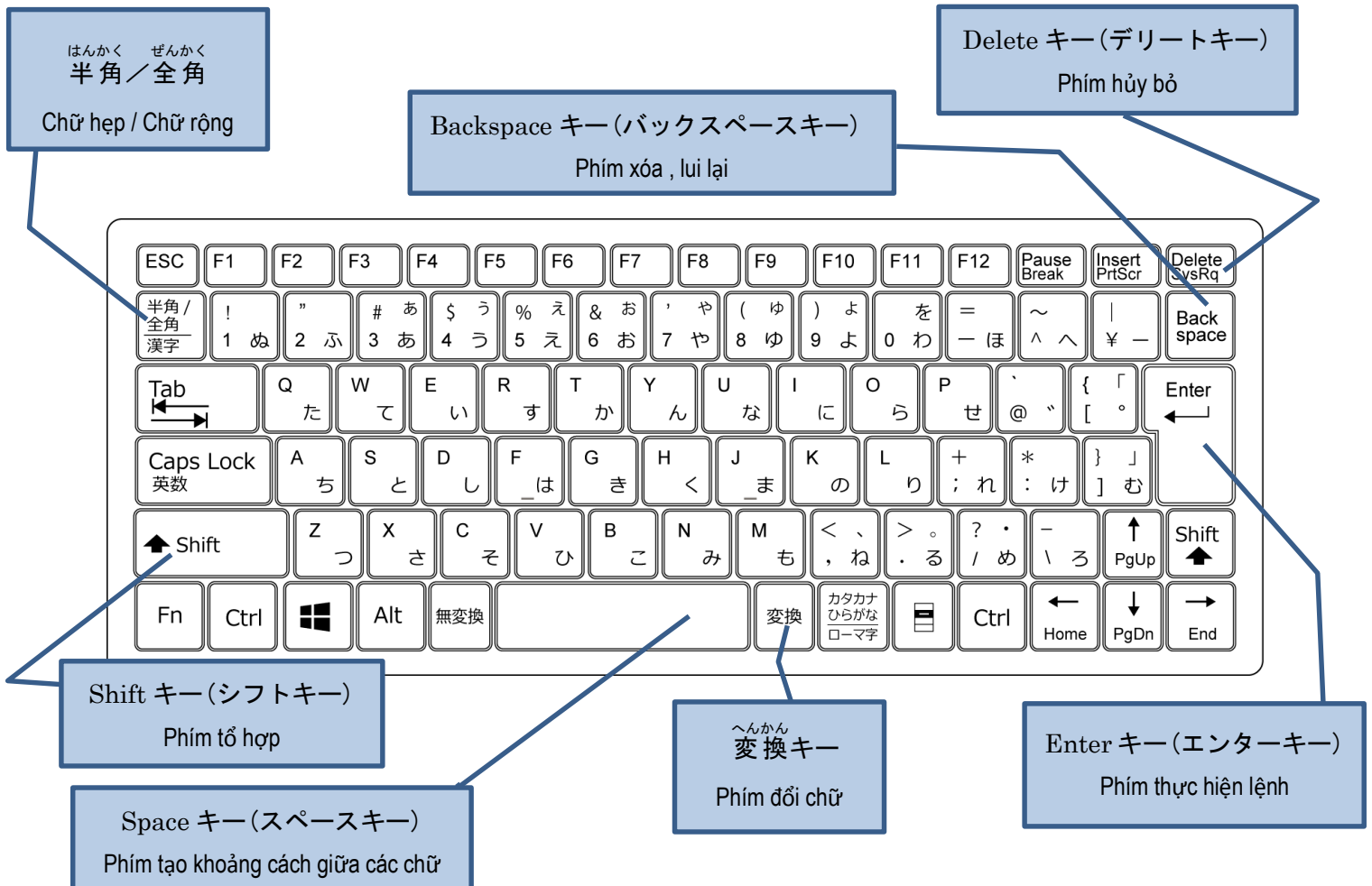
ひらがな・カタカナを パソコンに <sup>にゅうりょく</sup>入力する ことができた!!

Đã đánh chữ Hiragana – Katakana bằng máy vi tính được!!

ことば・ひょうげん Từ ngữ - Cách thể hiện trong câu



<p>にゅうりょく ◆入カ ローマ字入カ / かな入カ にゅうりょく ・入カします</p>	<p>◆Đánh chữ bằng máy Đánh bằng chữ Latin / Đánh bằng chữ Hiragana ・Đánh chữ bằng máy</p>
<p>◆カーソル</p>	<p>◆Con trỏ</p>
<p>◆クリック / ダブルクリック みぎ ひだり 右クリック / 左クリック</p>	<p>◆Nhấp chuột / Nhấp chuột hai lần liên tục Nhấp bên phải / Nhấp bên trái</p>
<p>へんかん ・変換します</p>	<p>・Nhấn phím đổi chữ</p>
<p>◇インターネット</p>	<p>◇Nối mạng Internet</p>
<p>◇サイト</p>	<p>◇Kênh thông tin để quảng bá</p>
<p>けんさく ◇検索 けんさく ・検索します</p>	<p>◇Sự tìm kiếm ・Tìm kiếm</p>



### ステップ1

<ひらがな・カタカナを <sup>よ</sup>読む> <Đọc chữ Hiragana – Katakana>

1) ひらがな・カタカナを <sup>よ</sup>読みましょう。 Hãy đọc chữ Hiragana – Katakana.

**ひらがな**  
あ ぬ し て を  
や れ ふ き  
の る は う み  
さ ペ によ い  
ん と も ず む

**カタカナ**  
ワ タ ユ ゲ コ  
ス ム ア ピョ  
ツ ナ ル キ モ  
ヒ ロ オ ン  
マ ウ カ ハ ザ

### ステップ2

<ひらがな・カタカナを <sup>か</sup>書く> <Viết chữ Hiragana – Katakana>

1) 今から <sup>いま</sup> 言う <sup>い</sup> ひらがな・カタカナを <sup>か</sup>書きましょう。

Bây giờ hãy viết những chữ Hiragana – Katakana mà tôi đọc.

①


②

③

### ステップ3

<パソコンの <sup>にゅうりょく</sup>入力の <sup>かた</sup>やり方を <sup>し</sup>知る> <Biết cách đánh chữ bằng máy vi tính>

1) ローマ字 <sup>じにゅうりょく</sup>入力を <sup>し</sup>しましょう。 Hãy đánh chữ Latin.

① ローマ字で 「さくら」を <sup>か</sup>書きましょう。 Hãy viết từ “sắc rư” bằng chữ Latin.

\_\_\_\_\_

② ローマ字で <sup>じ</sup>入力 <sup>にゆうりよく</sup> しましょう。

Hãy đánh bằng chữ Latin.

③ <sup>へんかん</sup>変換キーを <sup>お</sup> 押しましょう。



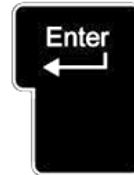
Hãy nhấn phím đổi chữ.

④ <sup>かんじ</sup>漢字、ひらがな、カタカナ、どれが <sup>へんかん</sup> いいですか。変換キーで えらびます。

Chữ Kanji - Hiragana - Katakana thì chọn chữ nào ?

Hãy nhấn phím đổi chữ để chọn.

⑤ えらんだら、エンターキーを <sup>お</sup> 押しましょう。



Chọn xong hãy nhấn phím thực hiện lệnh.



<sup>むずか</sup>【難しい <sup>にゆうりよく</sup>入力】【Đánh chữ khó】

<p><sup>なが おと</sup>長い音</p> <p>Những âm dài</p>	<p> の キー</p> <p>れい) メール ⇒ ME—RU</p>
<p><sup>ちい</sup>小さい「っ」</p> <p>Chữ “っ” nhỏ</p>	<p>「っ」の つぎの アルファベットを 2つ <sup>つづ</sup>続ける</p> <p>れい) きてて ⇒ KITTE</p>
<p><sup>ちい</sup>小さい「あいうえお」</p> <p>Chữ “あいうえお” nhỏ</p>	<p>L+A・I・U・E・O / X+A・I・U・E・O</p> <p>れい) パーティー ⇒ PA—TELI— / PA—TEXI—</p>
<p><sup>ちい</sup>小さい「やゆよ」</p> <p>Chữ “やゆよ” nhỏ</p>	<p>きや→KYA    きゆ→KYU    きよ→KYO</p> <p>れい) きょう ⇒ KYOU</p> <p>りょこう ⇒RYOKOU</p>
<p>ず</p>	<p>ZU</p> <p>れい) ずっと ⇒ ZUTTO</p>
<p>づ</p>	<p>DU</p> <p>れい) かたづけます ⇒ KATADUKEMASU</p>
<p>を</p>	<p>WO</p> <p>れい) とけい を かいしました。⇒ TOKEI WO KAIMASHITA.</p>
<p>ん</p>	<p>NN</p> <p>れい) りんご ⇒ RINNGO</p> <p>ほん ⇒ HONN</p>

## ステップ 4

<ひらがな・カタカナを パソコンに <sup>にゅうりょく</sup> 入 力する>

<Đánh chữ Hiragana – Katakana bằng máy vi tính>

1) <sup>にゅうりょく</sup> 入 力 しましよ。 Hã đánh chữ bằng máy.

① 「あ」から 「ん」までと 「ア」から 「ン」までを <sup>にゅうりょく</sup> 入 力 しましよ。

Hã đánh từ chữ “あ” đến chữ “ん” và từ chữ “ア” đến chữ “ン”.

② 「にほんごの <sup>にゅうりょく</sup> べんきようは たのしいです。」と 入 力 しましよ。

Hã đánh chữ bằng máy “にほんごの <sup>にゅうりょく</sup> べんきようは たのしいです。”.

③ 「きのう <sup>にゅうりょく</sup> スーパーで パンと バナナと せっけんを かいました。」と 入 力 しましよ。

Hã đánh chữ bằng máy “きのう <sup>にゅうりょく</sup> スーパーで パンと バナナと せっけんを かいました。”.

④ あなたの <sup>なまえ</sup> 名前を <sup>にゅうりょく</sup> 入 力 しましよ。

Hã đánh máy tên anh ( chị ).

⑤ あなたの <sup>じゅうしょ</sup> 住所を <sup>かんじ</sup> 漢字で <sup>にゅうりょく</sup> 入 力 しましよ。

Hã đánh máy địa chỉ của anh ( chị ) bằng chữ Kanji.

⑥ あなたの <sup>す</sup> 好きな <sup>にほんご</sup> 日本語を <sup>にゅうりょく</sup> 入 力 しましよ。

Hã đánh máy từ tiếng Nhật mà anh ( chị ) thích.

じにゅうりよくひょう  
ローマ字入力表

あ	い	う	え	お					
A	I	U	E	O					
か	き	く	け	こ	が	ぎ	ぐ	げ	ご
KA	KI	KU	KE	KO	GA	GI	GU	GE	GO
さ	し	す	せ	そ	ざ	じ	ず	ぜ	ぞ
SA	SI	SU	SE	SO	ZA	ZI	ZU	ZE	ZO
た	ち	つ	て	と	だ	ぢ	づ	で	ど
TA	TI	TU	TE	TO	DA	DI	DU	DE	DO
な	に	ぬ	ね	の					
NA	NI	NU	NE	NO					
は	ひ	ふ	へ	ほ	ば	び	ぶ	べ	ぼ
HA	HI	HU	HE	HO	BA	BI	BU	BE	BO
ま	み	む	め	も	ぱ	ぴ	ぷ	ぺ	ぽ
MA	MI	MU	ME	MO	PA	PI	PU	PE	PO
や		ゆ		よ					
YA		YU		YO					
ら	り	る	れ	ろ					
RA	RI	RU	RE	RO					
わ				を					
WA				WO					
ん									
NN									

きゃ	きゅ	きょ	ぎゃ	ぎゅ	ぎょ
KYA	KYU	KYO	GYA	GYU	GYO
しゃ	しゅ	しょ	じゃ	じゅ	じょ
SYA	SYU	SYO	JA	JU	JO
ちゃ	ちゅ	ちょ	ぢゃ	ぢゅ	ぢょ
CHA	CHU	CHO	DYA	DYU	DYO
にゃ	にゅ	にょ			
NYA	NYU	NYO			
ひゃ	ひゅ	ひょ	びゃ	びゅ	びょ
HYA	HYU	HYO	BYA	BYU	BYO
みゃ	みゅ	みょ	ぴゃ	ぴゅ	ぴょ
MYA	MYU	MYO	PYA	PYU	PYO
りゃ	りゅ	りょ			
RYA	RYU	RYO			